

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 31

A. Số học

- 1) Một số yếu tố thống kê và xác suất
- 2) Phân số với tử và mẫu là số nguyên. So sánh các phân số. Hỗn số dương;
- 3) Phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia phân số;
- 4) Số thập phân;
- 5) Phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia số thập phân;
- 6) Ước lượng và làm tròn số;
- 7) Tỉ số và tỉ số phần trăm;
- 8) Hai bài toán về phân số.

B. Hình học

- 1) Điểm. Đường thẳng;
- 2) Hai đường thẳng cắt nhau. Hai đường thẳng song song;
- 3) Đoạn thẳng;
- 4) Tia
- 5) Góc.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa**A. Phần Trắc nghiệm** *Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng*

Câu 1. Điều tra tuổi của 20 bé đăng ký tiêm chủng tại phường 12 trong một buổi sáng. Người ta thu được bảng số liệu ban đầu như sau:

2	3	2	3	1	4	3	2	4	2
3	4	3	2	3	2	1	2	3	4

Có bao nhiêu bé 3 tuổi?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 2. Số học sinh vắng trong một ngày của các lớp khối 6 được thống kê:

6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6	6A7	6A8
1	2	3	K	1	0	5	3

Hãy tìm kiếm thông tin **chưa hợp lý** của bảng dữ liệu trên?

A. 0

B. 5

C. K

D. 3

Câu 3. Tung đồng xu 32 lần liên tiếp, có 18 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là:

A. $\frac{18}{32}$.

B. $\frac{7}{16}$.

C. $\frac{12}{32}$.

D. $\frac{3}{8}$.

Câu 4. Công thức nào cho ta giá trị $m\%$ của a :

A. $a : \frac{m}{100}$

B. $a \cdot \frac{m}{100}$

C. $\frac{m}{100} \cdot a$

D. $\frac{m}{100} : a$

Câu 5. Kết quả làm tròn số 0,7126 đến chữ số thập phân thứ 3 là:

A. 0,712

B. 0,713

C. 0,716

D. 0,700

Câu 6. Phân số nào sau đây là phân số dương:

A. $\frac{-22}{34}$

B. $\frac{22}{-34}$

C. $\frac{-22}{34}$

D. $\frac{-22}{-34}$

Câu 7. Biến đổi nào sau đây đúng:

A. $\frac{a}{b} + \frac{c}{b} = \frac{a+c}{2b}$

B. $\frac{a}{b} + \frac{c}{b} = \frac{a+c}{b}$

C. $\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{ac}{bd}$

D. $\frac{a}{b} \cdot \frac{b}{a} = 0$

Câu 8. Tỉ số của 5dm và 100cm là:

A. $\frac{5}{100}$

B. $\frac{100}{5}$

C. $\frac{50}{100}$

D. $\frac{100}{50}$

Câu 9. Trong các phân số sau phân số lớn hơn $\frac{3}{5}$ là

A. $\frac{11}{20}$

B. $\frac{8}{15}$

C. $\frac{22}{35}$

D. $\frac{23}{40}$

Câu 10. Trong các phát biểu sau phát biểu nào đúng?

A. $-\frac{1}{4} = 0,25$.

B. $-\frac{1}{4} = -0,25$.

C. $\frac{1}{4} = 0,205$.

D. $-\frac{1}{4} = -0,205$.

Câu 11. Kết quả của phép tính $2\frac{3}{4} - \left(\frac{1}{7} + 1\frac{3}{4}\right)$ bằng:

A. $1\frac{1}{7}$

B. $3\frac{6}{7}$

C. $1\frac{6}{7}$

D. $\frac{6}{7}$

Câu 12. Kết quả của phép tính $8 \cdot (-0,125) \cdot (-0,25) \cdot (-400)$ là

A. 100

B. 200

C. -100

D. -20

Câu 13. Kết quả của phép tính $32,1 - (-29,325)$ là:

A. -61,245.

B. 61,425.

C. 2,775.

D. -61,425.

Câu 14. Kết quả phép tính $2,72 \times (-3,25)$ là:

A. -8,84.

B. 8,84.

C. -88,4.

D. 88,4.

Câu 15. Làm tròn số thập phân 81,24035 đến hàng phần trăm ta được số:

A. 81,24.

B. 81,25.

C. 81.

D. 8,1240.

Câu 16. Làm tròn số -34567899 đến hàng triệu, ta được số:

- A. -35000 . B. -34000000 . C. -3456000 . D. -34600000 .

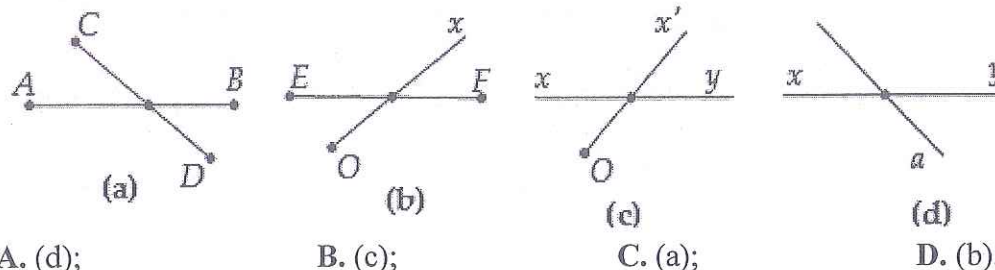
Câu 17. Kí hiệu nào sau đây dùng để viết điểm A thuộc đường thẳng d ?

- A. $a \in d$; B. $A \in d$; C. $d \in A$; D. $A \notin d$.

Câu 18. Cách viết sai kí hiệu góc ABC là:

- A. $\widehat{ABC}$; B. $\angle BAC$; C. $\widehat{BAC}$; D. $\widehat{B}$.

Câu 19. Trong hình vẽ dưới đây, hình nào minh họa đoạn thẳng cắt tia?



- A. (d); B. (c); C. (a); D. (b).

Câu 20. Cho hai tia OK và OQ đối nhau thì trong ba điểm O , K , Q điểm nằm giữa hai điểm còn lại là:

- A. Điểm O ; B. Điểm K ;
C. Điểm Q ; D. Điểm K hoặc điểm Q .

Câu 21. Góc tù là góc có số đo:

- A. Lớn hơn 90° ; B. Lớn hơn 90° và nhỏ hơn 180° ;
C. Lớn hơn 0° và nhỏ hơn 90° ; D. Nhỏ hơn 180° .

Câu 22. Cho đoạn thẳng $PQ = 8$ cm. Điểm M là trung điểm của PQ thì độ dài đoạn thẳng PM là:

- A. 4 cm; B. 8 cm; C. 16 cm; D. 2 cm.

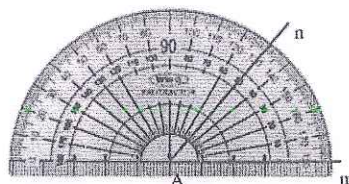
Câu 23. Biết $\widehat{ABC} = 100^\circ$, tia BD là tia đối của tia BA . Khẳng định nào sau đây là sai?

- A. $\widehat{ABD}$ là góc bẹt; B. $\angle BBD$ là góc tù;
C. $\angle BBD$ là góc nhọn; D. $\widehat{ABC}$ là góc tù

Câu 24. Trong các câu sau, câu nào đúng?

- A. Hai tia chung gốc thì đối nhau
B. Hai tia chung gốc cùng nằm trên một đường thẳng thì đối nhau
C. Hai tia chung gốc tạo thành một đường thẳng thì đối nhau
D. Hai tia đối nhau thì không cần chung gốc có số đo là.

Câu 25. Góc mAn dưới đây có số đo là



- A. 130° . B. 50° . C. 40° . D. 60° .

Câu 26. Cho đoạn thẳng AB , gọi M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Biết $AM = 4,5$ cm Khi đó số đo đoạn thẳng AB là:

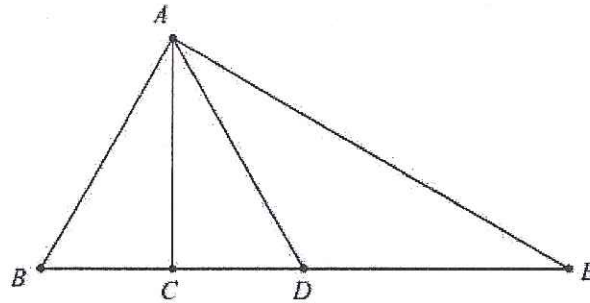
A. 9.

B. 4.5

C.18

D.3

Câu 27. Số góc nhọn có trong hình dưới đây là



A. 4.

B. 7.

C. 9.

D. 8.

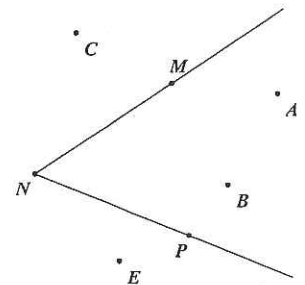
Câu 28. Cho hình vẽ. Có bao nhiêu điểm nằm bên trong góc MNP

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4



Câu 29. Cho góc xOy bằng 100 độ. Góc xOy là góc

A. Góc nhọn.

B. Góc vuông.

C. Góc tù.

D. Góc bẹt.

Câu 30. Biết khi hai kim đồng hồ chỉ vào hai số liên tiếp nhau thì góc giữa hai kim đồng hồ là 30° .

Góc tạo bởi kim phút và kim giờ tại thời điểm 7 giờ là

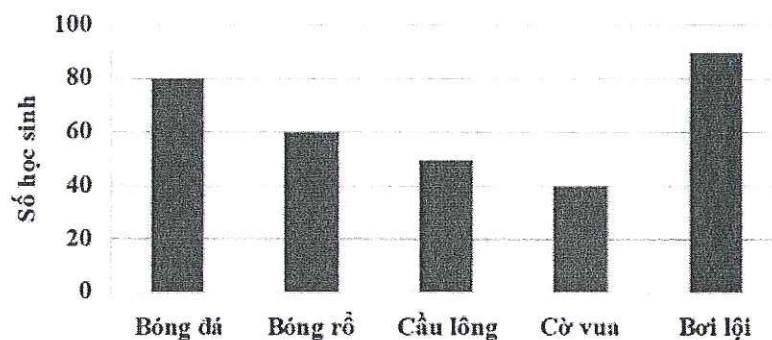
A. 70° .B. 30° .C. 150° .D. 180° .

B. Phần tự luận

Số học

Bài 1:

Môn thể thao yêu thích



Biểu đồ trên đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6 một trường THCS.

a) Môn thể thao được yêu thích nhất là môn nào?

b) Số học sinh thích môn cầu lông?

c) Số HS thích bóng đá nhiều hơn số HS thích bóng rổ là bao nhiêu bạn?

Bài 2:. Trong hộp có 20 viên bi gồm 10 viên bi xanh, 6 viên bi đỏ và 4 viên bi vàng. Lấy ngẫu nhiên 1 viên bi. Tính xác suất thực nghiệm lấy được viên bi:

a) Màu xanh

b) Màu đỏ

c) Màu vàng

Bài 3: Bạn An gieo một con xúc xắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được như sau.

Hãy tính xác suất thực nghiệm:

a) Xuất hiện mặt là số chẵn.

b) Xuất hiện mặt là số lớn hơn 2.

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	15	20	18	22	10	15

Bài 4. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{8}{13} + \frac{5}{13}$

b) $\frac{2}{3} + \frac{-2}{5} + \frac{-5}{6} - \frac{13}{10}$

c) $-\frac{2}{7} - \left(\frac{5}{11} - \frac{9}{7}\right) + \frac{5}{11}$

d) $\frac{-3}{7} \cdot \frac{-1}{9} + \frac{7}{-18} \cdot \frac{-3}{7} + \frac{5}{6} \cdot \frac{-3}{7}$

d) $11\frac{1}{4} - \left(2\frac{5}{7} + 5\frac{1}{4}\right);$

e) $\left(8\frac{5}{11} + 3\frac{5}{8}\right) - 3\frac{5}{11};$

f) $-\frac{1}{4} \cdot 13\frac{9}{11} - 0,25 \cdot 6\frac{2}{11};$

g) $\frac{4}{9} : \left(-\frac{1}{7}\right) + 6\frac{5}{9} : \left(-\frac{1}{7}\right)$

h) $\frac{2}{3} : \frac{4}{5} - \frac{5}{4} + \frac{1}{3} : \frac{4}{5}$

Bài 5. Tính bằng cách hợp lí

a) $60,7 + 25,5 - 38,7$

b) $(-9,207) + 3,8 + (-1,5030) - 2,8$

c) $(-12,5) + 17,55 + (-3,5) - (-2,45)$

d) $2,07 + (-7,36) - (-8,97) + 1,03 - 7,64$

e) $(2,07 + 3,005) - (12,005 - 4,23)$

f) $4,35 - (2,67 - 1,65) + (3,54 - 6,33)$

g) $(-0,4) \cdot (-0,5) \cdot (-0,8)$

h) $(-1,6) \cdot (-0,125) \cdot (-0,5)$

i) $3,58.24,45 + 3,58.75,55$

k) $3,4 \cdot (-23,68) - 3,4 \cdot 45,12 + (-31,2) \cdot 3,4.$

Bài 6. Tìm x biết

a) $-\frac{5}{6} - x = \frac{2}{3}.$

b) $\frac{2}{3}x + \frac{1}{2} = \frac{1}{10}$

c) $\frac{2}{9} - \frac{7}{8} \cdot x = \frac{1}{3}$

d) $\frac{4}{5} + \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6}$

d) $\left(\frac{2}{5} - 1\frac{2}{3}\right) : x - \frac{3}{5} = \frac{2}{5};$

e) $1 - \left(-\frac{3}{4} + x\right) \times 2\frac{2}{3} = 0;$

$$f) \left(2\frac{1}{3} + 3\frac{1}{2}\right) \cdot x = -4\frac{1}{6} + 3\frac{1}{3};$$

$$g) x : \left(3\frac{1}{2} - 5\frac{1}{6}\right) = 4\frac{1}{2} - 6\frac{2}{3};$$

Bài 7. Tìm:

a) $\frac{5}{14}$ của 28

b) $\frac{3}{8}$ của 3,6 tấn

c) 0,6 của $1\frac{2}{5}m^2$

d) 75% của A biết $A = \frac{\frac{1}{5} + \frac{1}{7} - \frac{1}{13}}{\frac{3}{5} + \frac{3}{7} - \frac{3}{13}} + \frac{5}{9}$

Bài 8. Tìm một số biết:

a) $\frac{3}{5}$ của số đó bằng 8,1

b) $2\frac{3}{7}$ của số đó bằng -34

c) 1,5% của số đó bằng $2\frac{3}{5}$

Bài 9. Một vườn cây có 160 cây vừa nhãn, vừa vải, vừa xoài. Số cây nhãn chiếm $\frac{3}{8}$ tổng số cây, số cây vải bằng $\frac{4}{5}$ số cây nhãn. Hỏi vườn đó có bao nhiêu cây xoài?

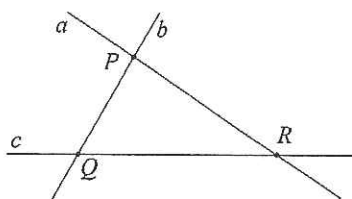
Bài 10. Một trường có 1320 học sinh, trong đó tổng số học sinh khối 6 và 7 bằng $\frac{25}{44}$ tổng số học sinh toàn trường. Số học sinh khối 8 chiếm 25% số học sinh toàn trường, còn lại là số học sinh khối 9. Hỏi mỗi khối có bao nhiêu học sinh? Biết tổng số học sinh khối 6 và 8 gấp 2 lần số học sinh khối 7.

Bài 11. Một khu vườn trồng hoa hồng, hoa cúc, hoa đồng tiền. Phần trồng hoa hồng chiếm $\frac{3}{7}$ diện tích vườn. Phần trồng hoa cúc bằng $\frac{5}{14}$ diện tích vườn. Còn lại 90m² trồng hoa đồng tiền. Tính diện tích khu vườn.

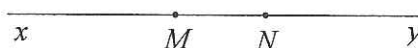
Bài 12. Trong học kì I vừa qua, lớp 6A có số học sinh nữ bằng $\frac{4}{5}$ số học sinh nam. Sang học kì II, lớp có thêm 2 em học sinh nữ chuyển vào nên số học sinh nữ của lớp bằng $\frac{9}{10}$ số học sinh nam. Hỏi đầu năm, lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

Hình học

Bài 1. Đọc tên các điểm, đường thẳng, đoạn thẳng trong hình vẽ dưới đây.



Bài 2. Cho hình vẽ sau:



a) Đọc tên các cặp tia đối nhau.

b) Đọc tên các cặp tia trùng nhau.

Bài 3. Cho hình vẽ và trả lời các câu hỏi.

a) Đường thẳng m cắt những đoạn thẳng nào?

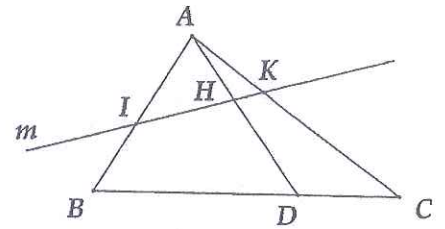
b) Đường thẳng m không cắt đoạn thẳng nào?

Bài 4: Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 4\text{cm}$, $OB = 8\text{cm}$

a) So sánh độ dài đoạn OA và OB ?

b) Tính độ dài đoạn AB ?

c) Điểm A có là trung điểm của đoạn OB không? Vì sao?



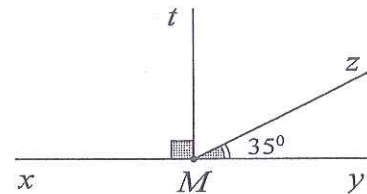
Bài 5. Cho hình vẽ bên, hãy đọc tên:

a) Một góc nhọn.

b) Hai góc vuông.

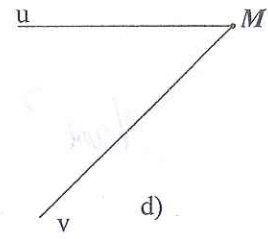
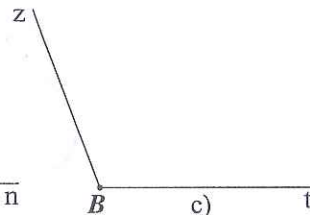
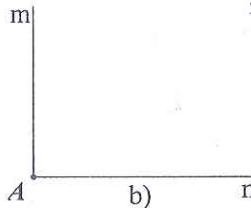
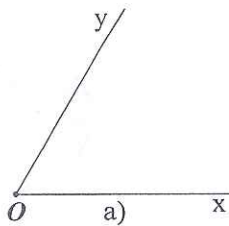
c) Một góc tù.

d) Một góc bẹt.



Bài 6.

a) Hãy đo và cho biết số đo mỗi góc có trong hình 1 dưới đây:



Hình 1

b) Sắp xếp các góc có trong hình 1 theo thứ tự tăng dần.

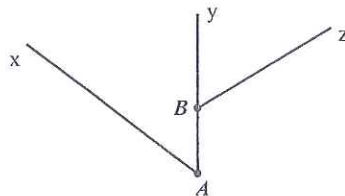
Bài 7. Vẽ hình theo cách diễn đạt bằng lời trong mỗi trường hợp sau đây:

a) Vẽ $\angle mOn$ không phải là góc bẹt.

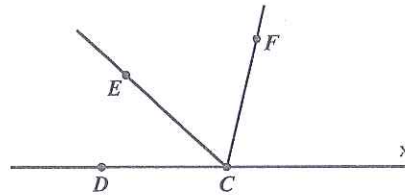
b) Vẽ $\angle xOy$ là góc nhọn có điểm A nằm trong góc đó.

c) Vẽ $\angle ABC, \angle ABF$ sao cho điểm C nằm bên trong góc $\angle ABF$.

Bài 8. Đọc tên góc, đỉnh và các cạnh của góc trong các hình vẽ sau:



Hình 1



Hình 2

Bài 9. Trong ngày hội thể thao của trường, đôi bạn An và Khánh tham gia nội dung chạy tiếp sức 50 m trên đường chạy thẳng. An là người xuất phát, sau khi chạy được 20 m thì An truyền gậy cho Khánh. Hỏi Khánh phải chạy bao nhiêu m nữa để về đến đích. So sánh quãng đường hai bạn đã chạy trong cuộc thi.

Nâng cao

1. Tính tổng $S = \frac{1 + 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{2008}}{1 - 2^{2009}}$

2. Cho phân số $B = \frac{2m+3}{m+1}$ ($m \in \mathbb{Z}$)

a. Với giá trị nào của m thì B nguyên

b. Chứng minh B là phân số tối giản

3. Cho tổng $S = \frac{1}{31} + \frac{1}{32} + \dots + \frac{1}{60}$. Chứng minh $\frac{3}{5} < S < \frac{4}{5}$

4. Hãy tính $\frac{C}{D}$. Biết $C = \frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{48} + \frac{1}{49} + \frac{1}{50}$ và

$$D = \frac{1}{49} + \frac{2}{48} + \frac{3}{47} + \dots + \frac{48}{2} + \frac{49}{1}$$

5. Chứng minh $A > B$, biết:

$$A = \frac{2}{5.7} + \frac{5}{7.12} + \frac{7}{12.19} + \frac{9}{19.28} + \frac{11}{28.39} + \frac{1}{30.40}$$

$$B = \frac{1}{20} + \frac{1}{44} + \frac{1}{77} + \frac{1}{119} + \frac{1}{170}$$



BGH duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Nguyễn Thị Thanh Vân